

HLB International

A&C

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
BƯU ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	7 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2009	12 - 15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2009	16 - 17
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009	18 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm. Vốn điều lệ theo Giấy phép lần đầu của Công ty là 70 tỷ đồng Việt Nam.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 41AGP/KDBH ngày 01/02/2007 chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 105 tỷ đồng, thay thế Giấy phép ban đầu theo Luật Kinh doanh bảo hiểm, và Giấy phép số 41A/GPDDC1/KHBH ngày 21/04/2008 chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng Việt nam.

Vốn điều lệ 300.000.000.000 VND

Trong đó

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	187.824.000.000	62,60%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	108.486.000.000	36,16%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	26.460.000.000	8,82%
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	21.168.000.000	7,06%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	10.584.000.000	3,53%
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	5.292.000.000	1,76%
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	5.292.000.000	1,76%
Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông	5.292.000.000	1,76%
Công ty Tài chính Bưu điện	5.250.000.000	1,75%
Cổ đông khác	112.176.000.000	37,40%
Cộng	300.000.000.000	100,00%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043 772 4466

Fax : 043 772 4460

Mã số thuế : 0100774631

Các đơn vị trực thuộc:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 6-8-10 Lô C7 đường Phan Xích Long Phường 7, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh Đà Nẵng	213-215 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
3	Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Thương mại, số 22 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
4	Chi nhánh Cần Thơ	2A1 Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5	Chi nhánh Bắc Trung bộ	26 Nguyễn Thái Học, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6	Chi nhánh khu vực Phía Bắc	146 Đường Nguyễn Tất Thành, Trương Vương, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
7 Chi nhánh Đồng Nai	Số R78, Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
8 Chi nhánh Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
9 Chi nhánh Nam Trung bộ	Số 12E đường Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10 Chi nhánh Cà Mau	43 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
11 Chi nhánh Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
12 Chi nhánh Bình Dương	Số 445- Tổ 16 khu 1, Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
13 Chi nhánh Quảng Ninh	156B tầng 3 tòa nhà Đại Hải, Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
14 Chi nhánh Thanh Hóa	Lô 29, khu tầng 4, Đường Bà Triệu, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa
15 Chi nhánh Khu vực Bình Trị Thiên	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế
16 Hội sở Giao dịch tại Hà Nội	100 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
17 Chi nhánh An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
18 Chi nhánh Long An	Số 113 Hùng Vương, Phường 2, Thị xã Tân An, Tỉnh Long An
19 Chi nhánh Vĩnh Phúc	Số 2, đường Ngô Quyền, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
20 Chi nhánh Sài Gòn	Số 216 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3 Thành Phố Hồ Chí Minh
21 Chi nhánh Bắc Ninh	16 đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
22 Chi nhánh Lào Cai	Số 12, Đường Hoàng Liên, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ 3 bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Đại hội cổ đông thường niên Công ty được tổ chức ngày 28 tháng 4 năm 2009 đã phê chuẩn phương án tăng vốn điều lệ của Công ty lên 450 tỷ đồng. Trong năm 2010 Công ty đang tiến hành các thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 450 tỷ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 47).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Ngọc Bình	Chủ tịch	30 tháng 06 năm 2006	
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên	30 tháng 11 năm 2007	
Ông Hồ Công Trung	Ủy viên	28 tháng 04 năm 2009	
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	28 tháng 04 năm 2009	
Ông Hàn Ngọc Vũ	Ủy viên	28 tháng 04 năm 2009	
Ông Trịnh Quang Tuyền	Phó Chủ tịch	19 tháng 07 năm 2008	28 tháng 04 năm 2009
Ông Trịnh Văn Tuấn	Ủy viên	30 tháng 11 năm 2007	28 tháng 04 năm 2009

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Kế	Trưởng Ban	28 tháng 06 năm 2005	
Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng	Thành viên	12 tháng 06 năm 2002	
Ông Đỗ Anh Tuấn	Thành viên	28 tháng 06 năm 2005	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Anh Tuấn	Q. Tổng Giám đốc	23 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	
Bà Trần Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	
Ông Nguyễn Trường Giang	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 09 năm 2008	
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 09 năm 2007	01 tháng 09 năm 2009

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành kèm theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 hiêm của Bộ Tài chính).

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành kèm theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 hiêm của Bộ Tài chính) và các qui định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2010



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 322/2010/BCTC-KTTT-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 27 tháng 03 năm 2010, từ trang 7 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành kèm theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính) và các qui định pháp lý khác có liên quan.



Nguyễn Thị Hồng Thanh – Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053 KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2010

Hoàng Thị Viêt – Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374 KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		651.072.813.208	607.698.365.749
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	96.882.678.336	45.194.973.287
1. Tiền	111		36.782.678.336	45.194.973.287
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.100.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	386.063.251.932	424.996.989.048
1. Đầu tư ngắn hạn	121		386.801.286.119	427.311.709.422
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(738.034.187)	(2.314.720.374)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.993.864.434	130.985.461.909
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	110.489.713.097	82.477.287.468
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	29.534.814.289	12.822.172.769
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	36.030.273.392	48.209.911.942
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(14.060.936.344)	(12.523.910.270)
IV. Hàng tồn kho	140		1.062.955.416	818.463.395
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.062.955.416	818.463.395
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.070.063.090	5.702.478.110
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	405.912.343	508.003.549
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		531.927.235	1.023.422.259
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	216.546.915	280.621.254
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	3.915.676.597	3.890.431.048

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		344.635.535.318	273.562.783.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.052.792.078	63.372.682.814
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	19.295.251.552	10.160.310.542
<i>Nguyên giá</i>	222		43.131.541.641	31.892.585.810
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23.836.290.089)	(21.732.275.268)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	51.641.567.799	50.932.204.000
<i>Nguyên giá</i>	228		51.908.204.000	51.198.204.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(266.636.201)	(266.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	115.972.727	2.280.168.272
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		256.413.899.869	193.769.666.940
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	7.570.000.000	4.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	66.292.700.000	35.596.700.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	182.923.311.402	154.172.966.940
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(372.111.533)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.168.843.371	16.420.433.974
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	5.855.324.789	5.865.104.595
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	11.313.518.582	10.555.329.379
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		995.708.348.526	881.261.149.477

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		513.445.134.877	400.072.983.633
I. Nợ ngắn hạn	310		96.376.787.116	78.661.737.968
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.20	53.549.204.384	36.119.563.476
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	3.460.500.820	1.542.604.386
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	14.821.125.722	19.209.550.537
5. Phải trả người lao động	315		16.178.585.810	14.249.755.349
6. Chi phí phải trả	316		69.895.781	33.843.785
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	8.297.474.599	7.506.420.435
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		946.783.558	792.630.187
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		399.309.136	395.309.136
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	547.474.422	397.321.051
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
III. Dự phòng nghiệp vụ	340	V.25	416.121.564.203	320.618.615.478
1. Dự phòng phí	341		182.270.341.549	131.167.920.161
3. Dự phòng bồi thường	343		107.685.527.549	74.513.005.145
4. Dự phòng dao động lớn	344		126.165.695.105	114.937.690.172
5. Dự phòng chia lãi	345		-	-
6. Dự phòng đảm bảo cân đối	346		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		482.263.213.649	481.188.165.844
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	481.900.195.746	478.312.661.558
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		114.375.000.000	114.375.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(201.068.212)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(158.852.450)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		14.937.483.028	14.517.639.731
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		12.044.101.089	9.808.402.445
10. Quỹ dự trữ tự nguyện	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.903.532.291	39.611.619.382
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		363.017.903	2.875.504.286
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		363.017.903	2.875.504.286
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		995.708.348.526	881.261.149.477

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		152.678.686.663	139.066.275.404
6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm			
7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm			
8. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		10.094,73	94.988,80
Euro (EUR)		129.411,07	3.339,23
Bảng Anh (£)		392,74	19.055,11
9. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Bùi Thị Thúy
Người lập biểu

Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2009

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		455.026.081.143	443.664.486.058
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		38.049.341.544,4	36.903.215.542
3. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	03		118.808.591.593	206.759.969.177
Phí nhượng tái bảo hiểm	04		112.859.269.928	196.918.738.978
Giảm phí bảo hiểm	05		-	-
Hoàn phí bảo hiểm	06		5.949.321.665	9.841.230.199
Các khoản giảm trừ khác	07		-	-
4. Tăng (giảm) dự phòng phí, dự phòng toán học	08		51.102.421.388	16.724.507.979
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		27.874.904.192	34.818.923.585
5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13)	10		3.525.129.787	12.651.515.275
Thu nhận tái bảo hiểm	11		-	216.000
Thu nhượng tái bảo hiểm	12		-	-
Thu khác	13		3.525.129.787	12.651.299.275
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10)	14		354.564.443.685	304.553.663.304
7. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15		124.063.815.066	148.552.152.155
8. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm	16		17.015.773.908	18.220.849.735
9. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17		22.346.062.248	19.782.921.017
Thu bồi thường nhượng Tái bảo hiểm	18		21.691.074.303	12.535.053.936
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		350.973.559	7.247.867.081
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		304.014.386	-
10. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21		118.733.526.726	146.990.080.873
11. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		-	-
12. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		33.172.522.404	(11.095.372.099)
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		11.228.004.933	8.214.232.442

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25 = 26 + 34 + 39 + 40)	25		53.912.896.003	42.843.262.631
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 = 27 + 28 + 29 + 30 + 31 + 32 + 33)	26		43.673.187.191	27.754.267.235
+ Chi hoa hồng	27		31.989.483.389	19.972.156.134
+ Chi giám định tổn thất	28		2.783.334.125	2.624.648.342
+ Chi đòi người thứ 3	29		1.250.000	-
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		700.000	4.060.909
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		147.034.500	45.591.020
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		7.213.248.129	4.838.361.596
+ Chi khác	33		1.538.137.048	269.449.234
Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38)	34		9.136.577.430	8.665.844.043
+ Chi hoa hồng	35		8.639.434.632	8.399.161.059
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		-	-
+ Chi khác	38		497.142.798	266.682.984
Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		1.103.131.382	6.423.151.353
Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		-	-
15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 - 22 + 23 + 24 + 25)	41		217.046.950.066	186.952.203.847
16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 14 - 41)	42		137.517.493.619	117.601.459.457
17. Chi phí bán hàng	43	VI.1	10.293.133.844	6.362.214.469
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	VI.2	132.132.222.080	116.584.033.918
19. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45 = 42 - 43 - 44)	45		(4.907.862.305)	(5.344.788.930)
20. Doanh thu hoạt động tài chính	46	VI.3	81.709.964.111	69.164.054.386
21. Chi phí hoạt động tài chính	47	VI.4	20.224.612.156	6.128.972.866
22. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47)	51		61.485.351.955	63.035.081.520
23. Thu nhập hoạt động khác	52	VI.5	404.500.492	671.241.223
24. Chi phí hoạt động khác	53	VI.6	21.927.457	135.979.097
25. Lợi nhuận hoạt động khác (54 = 52 - 53)	54		382.573.035	535.262.126

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
26. Tổng lợi nhuận kế toán (55 = 45 + 51 + 54)	55		56.960.062.685	58.225.554.716
30. Dự phòng đảm bảo cân đối	58		-	-
30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60.1		13.400.517.963	15.499.096.029
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.2		-	-
32. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 55 - 58 - 60.1 - 60.2)	61		<u>43.559.544.722</u>	<u>42.726.458.687</u>
33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62	VI.7	<u>1.452</u>	<u>1.771</u>

Bùi Thị Thúy
Người lập biểu

Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối kỳ
I. Thuế (10 = 11 + 12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17 + 18 + 19)	10	18.928.929.283	44.593.286.200	48.917.636.676	14.604.578.807
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	4.150.136.162	29.562.327.746	30.140.799.132	3.571.664.776
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	15	12.417.597.658	13.400.517.963	15.778.865.658	10.039.249.963
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	2.361.195.463	1.589.489.130	2.964.155.960	986.528.633
7. Thuế tài nguyên	17	-	-	-	-
8. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18	-	-	-	-
9. Các loại thuế khác	19	-	40.951.361	33.815.926	7.135.435
Thuế môn bài	20	-	25.750.000	28.750.000	(3.000.000)
Thuế nhà thầu	21	-	15.201.361	5.065.926	10.135.435
II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (30 = 31 + 32 + 33)	30	-	600.000	600.000	-
1. Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	32	-	600.000	600.000	-
3. Các khoản khác	33	-	-	-	-
Tổng cộng (40=10+30)	40	18.928.929.283	44.593.886.200	48.918.236.676	14.604.578.807

Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay

18.928.929.283

Trong đó: Thuế Thu nhập doanh nghiệp

12.417.597.658

(*) Xem thuyết minh số V.22

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2010


Bùi Thị Thụy
Người lập biểu

Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởngPhạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền từ thu phí và hoa hồng (thu phí Bảo hiểm gốc, phí nhận tái, hoa hồng nhượng tái)	01		537.582.839.886	489.472.580.403
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi (thu bồi thường nhượng tái, thu đòi người thứ 3, thu hàng xử lý 100%)	02		14.496.384.142	16.141.968.697
3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm (bồi thường gốc, bồi thường nhận tái)	03		(158.466.981.218)	(168.833.867.754)
4. Trả tiền phí nhượng tái, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	04		(148.271.793.521)	(228.011.154.387)
5. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	05		(95.416.486.150)	(73.312.847.203)
6. Tiền chi trả cho người lao động	06		(58.300.375.405)	(50.223.463.456)
7. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	07		(15.778.865.658)	(5.583.244.023)
8. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	08		8.153.031.497	3.436.459.286
9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	09		(41.673.698.798)	(10.803.696.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.324.054.775	(27.717.265.317)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.958.687.984)	(6.770.337.665)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		381.722.727	308.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(581.214.788.333)	(1.535.689.598.868)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		631.030.330.697	1.188.935.922.505
5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25		(55.662.500.000)	(57.696.700.000)
6. Tiền thu hồi góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27		59.901.380.011	55.176.402.783
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43.477.457.118	(355.735.947.609)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	309.375.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(201.068.212)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.870.170.709)	(14.430.737.890)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.071.238.921)	294.944.262.110
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		51.730.272.972	(88.508.950.816)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	45.194.973.287	133.944.827.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(42.567.923)	(240.903.673)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	96.882.678.336	45.194.973.287

Lập ngày 27 tháng 3 năm 2010


Bùi Thị Thúy
Người lập biểu

Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởngPhạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Đại hội cổ đông thường niên Công ty được tổ chức ngày 28 tháng 4 năm 2009 đã phê chuẩn phương án tăng vốn điều lệ của Công ty lên 450 tỷ đồng. Trong năm 2010 Công ty đang tiến hành các thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trụ sở chính và 22 đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ tính từ ngày phát hành hóa đơn thu phí bảo hiểm.

Tỷ lệ áp dụng trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tỷ lệ quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
TSCĐ khác	3 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển mạng lưới đại lý qua các Bưu điện tỉnh

Chi phí phát triển mạng lưới đại lý qua các Bưu điện tỉnh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm; Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Bao gồm các khoản các khoản đầu tư chứng khoán với mục đích mua vào, bán ra để kiếm lời, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay mà thời hạn thu hồi không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn

Bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, góp vốn vào đơn vị khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay... mà thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm kể từ ngày kết thúc niên độ.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm: Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Chính Phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp Bảo hiểm và doanh nghiệp Môi giới bảo hiểm.

Năm 2009, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã được Bộ Tài chính chấp thuận Phương pháp trích lập dự phòng các nghiệp vụ bảo hiểm tại Công văn số 13120/BTC-BH ngày 03 tháng 11 năm 2008.

Cụ thể phương pháp trích lập các quỹ dự phòng như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phần trách nhiệm giữ lại của Công ty. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo do Công ty đánh giá rằng các số liệu về dự phòng bồi thường chưa thông báo (nếu có) là không trọng yếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm. Mức trích lập trong năm 2009 đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm là 3% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn việc thực hiện chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Năm 2009, Công ty đã áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp” thay cho chính sách kế toán đã áp dụng trong các năm trước theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009 là:

17.941,00 VND/USD
25.723,81 VND/EUR
28.998,04 VND/GBP

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được hạch toán khi phát sinh trách nhiệm của doanh nghiệp đối với bên mua bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (3) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phí bảo hiểm thực thu.

Các khoản chi phí khác được ghi nhận theo số thực tế phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm cố định

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các bảng thanh toán định kỳ (thường là hàng quý) được gửi tới hoặc nhận được từ các công ty nhận tái hoặc nhượng tái bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí được ghi nhận khi các bảng thanh toán được lập và được bên nhận tái bảo hiểm xác nhận.
- Đối với các hợp đồng nhận tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí được ghi nhận khi Công ty xác nhận các bảng thanh toán từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Do việc nhận/gửi các bảng thanh toán của kỳ này thường được thực hiện trong kỳ tiếp theo nên có sự chênh lệch giữa thời điểm giao dịch phát sinh và thời điểm hạch toán thu nhập, chi phí.

Tái bảo hiểm tạm thời

- Đối với các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và bảng kê thanh toán có xác nhận của bên nhận tái (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) đến nhà nhận tái bảo hiểm.
- Đối với các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và Công ty xác nhận bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ nhà nhượng tái bảo hiểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.954.996.985	2.996.613.762
Tiền gửi ngân hàng	33.048.181.351	42.198.359.525
Tiền đang chuyển	779.500.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	60.100.000.000	-
Cộng	96.882.678.336	45.194.973.287

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán	35.841.013.897	7.177.050.374
Tiền gửi có kỳ hạn	349.460.272.222	370.234.659.048
Cho vay ủy thác	1.500.000.000	49.900.000.000
Cộng	386.801.286.119	427.311.709.422
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(738.034.187)	(2.314.720.374)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư-tài chính ngắn hạn	386.063.251.932	424.996.989.048

(*) Là dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	88.266.446.345	75.573.203.915
Phải thu của hoạt động nhận tái bảo hiểm	12.074.053.201	4.815.625.173
Phải thu của hoạt động nhượng tái bảo hiểm	9.905.013.551	2.088.458.380
Phải thu khác của khách hàng	244.200.000	-
Cộng	110.489.713.097	82.477.287.468

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	24.931.877.217	7.457.401.281
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	272.254.670	364.080.474
Trả trước cho nhà cung cấp khác	4.330.682.402	5.000.691.014
Cộng	29.534.814.289	12.822.172.769

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	22.600.780.694	24.477.840.315
Ước thu bồi thường nhượng tái Bảo hiểm	-	3.639.000.000
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Cục điều cảnh sát điều tra tạm giữ tiền hoa hồng chi trái nguyên tắc tại chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	9.635.087.350
Các khoản phải thu khác	7.815.310.944	4.843.802.523
Cộng	36.030.273.392	48.209.911.942

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	14.060.936.344	12.523.910.270
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	2.434.814.737	1.973.109.403
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.455.054.722	3.448.115.556
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.728.149.146	2.492.995.860
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	5.442.917.739	4.609.689.451
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	14.060.936.344	12.523.910.270

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	947.590.876	755.890.671
Công cụ, dụng cụ	115.364.540	62.572.724
Cộng	1.062.955.416	818.463.395

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	508.003.549	452.205.743	673.296.949	286.912.343
Tiền thuê nhà		580.751.480	496.751.480	84.000.000
Chi phí khác		35.000.000		35.000.000
Cộng	508.003.549	1.067.957.223	1.170.048.429	405.912.343

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	185.530.649	280.621.254
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	28.016.266	
Thuế khác	3.000.000	
Cộng	216.546.915	280.621.254

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2.305.706.513	3.458.914.122
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.609.970.084	431.516.926
Cộng	3.915.676.597	3.890.431.048

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm		108.364.427	21.229.651.814	10.554.569.569	31.892.585.810
Tăng trong năm	7.488.385.634	-	2.925.184.559	2.751.735.025	13.165.305.218
- Mua sắm mới	-	-	2.925.184.559	2.751.735.025	5.676.919.584
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.488.385.634	-	-	-	7.488.385.634
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.299.754.441)	(626.594.946)	(1.926.349.387)
Số cuối năm	7.488.385.634	108.364.427	22.855.081.932	12.679.709.648	43.131.541.641
<i>Trong đó, khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		77.316.808	5.511.373.386	8.058.479.462	13.647.169.656
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm		91.479.219	12.496.579.957	9.144.216.092	21.732.275.268
Khấu hao trong năm	18.074.912	7.863.725	2.851.426.064	1.160.707.185	4.038.071.886
Giảm trong năm	-	-	(1.307.462.119)	(626.594.946)	(1.934.057.065)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.299.754.441)	(626.594.946)	(1.926.349.387)
- Giảm khác	-	-	(7.707.678)	-	(7.707.678)
Số cuối năm	18.074.912	99.342.944	14.040.543.902	9.678.328.331	23.836.290.089
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	16.885.208	8.733.071.857	1.410.353.477	10.160.310.542
Số cuối năm	7.470.310.722	9.021.483	8.814.538.030	3.001.381.317	19.295.251.552

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	50.932.204.000	266.000.000	51.198.204.000
Tăng trong năm	-	710.000.000	710.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	50.932.204.000	976.000.000	51.908.204.000
<i>Trong đó, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		266.000.000	266.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		266.000.000	266.000.000
Tăng trong năm	-	636.201	636.201
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	266.636.201	266.636.201
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	50.932.204.000	-	50.932.204.000
Số cuối năm	50.932.204.000	709.363.799	51.641.567.799

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	51.223.455	51.223.455	-
XDCB dở dang	2.280.168.272	5.324.190.089	7.488.385.634	115.972.727
- Trụ sở Chi nhánh Đà Nẵng	115.972.727	-	-	115.972.727
- Trụ sở Chi nhánh Phía Bắc	102.602.727	3.580.672.908	3.683.275.635	-
- Trụ sở Chi nhánh Tây Nguyên	2.061.592.818	1.743.517.181	3.805.109.999	-
Cộng	2.280.168.272	5.375.413.544	7.539.609.089	115.972.727

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Thành Tâm	80%	66,06%	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	51%	56,04%	3.570.000.000
Cộng			7.570.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	49,00%	92,08%	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)	21,27%	21,30%	14.292.700.000
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	20,00%	71,81%	2.000.000.000
Cộng			66.292.700.000

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	4.816.500.000	-
Đầu tư trái phiếu	31.000.000.000	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	4.172.361.111	41.500.000.000
Cho CBCNV vay	15.236.395.000	16.321.095.000
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư qua các công ty quản lý quỹ đầu tư	15.739.055.291	14.917.975.707
Ủy thác cho vay qua ngân hàng	61.364.000.000	42.413.896.233
Ủy thác đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	8.000.000.000	
Góp vốn cổ phần	42.595.000.000	38.020.000.000
Cộng	182.923.311.402	154.172.966.940

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	(372.111.533)	-

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	694.459.860	610.885.644	955.762.043	349.583.461
Chi phí thuê nhà	1.895.674.350	2.052.657.164	2.648.190.869	1.300.140.645
Chi phí phát triển mạng lưới đại lý qua các Bưu điện tỉnh	3.136.244.236	1.106.931.878	1.138.892.886	3.104.283.228
Chi phí truyền thông và phát triển thương hiệu	-	921.529.200	-	921.529.200
Các khoản chi phí khác	138.726.149	145.538.096	104.475.990	179.788.255
Cộng	5.865.104.595	4.837.541.982	4.847.321.788	5.855.324.789

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ bắt buộc theo Luật kinh doanh bảo hiểm	6.000.000.000	6.000.000.000
Ký quỹ khác	5.313.518.582	4.555.329.379
Cộng	11.313.518.582	10.555.329.379

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	13.632.251.097	13.528.794.442
- Phải trả về bồi thường bảo hiểm gốc	6.570.178.325	10.101.856.282
- Phải trả về hoa hồng bảo hiểm gốc	5.005.705.837	1.666.577.768
- Phải trả về phí giám định tổn thất	711.193.750	1.114.325.593
- Phải trả về chi để phòng hạn chế rủi ro tổn thất	568.173.000	611.144.827
- Phải trả khác về bảo hiểm gốc	750.194.759	16.804.583
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	26.805.426	18.085.389
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	5.289.212.595	1.955.716.068
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	30.018.957.455	15.049.673.029
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	616.764.292	4.384.880.884
Phải trả cho nhà cung cấp khác	3.992.018.945	1.200.499.053
Cộng	53.549.204.384	36.119.563.476

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	1.651.181.408	1.281.885.265
Doanh thu nhận trước của hoạt động bảo hiểm gốc	1.809.319.412	260.719.121
Cộng	3.460.500.820	1.542.604.386

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.757.195.425	4.430.757.416
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.039.249.963	12.417.597.658
Thuế thu nhập cá nhân	1.014.544.899	2.361.195.463
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu)	10.135.435	-
Cộng	14.821.125.722	19.209.550.537

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Kinh doanh tái bảo hiểm	Không chịu thuế
Các nghiệp vụ bảo hiểm liên quan đến con người	Không chịu thuế
Các nghiệp vụ bảo hiểm khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.960.062.685	58.225.554.716
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(3.357.990.834)	(2.871.640.327)
- Các khoản điều chỉnh tăng		252.123.962
+ <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>		252.123.962
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.357.990.834)	(3.123.764.289)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(3.196.038.834)	(3.112.544.000)
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	(161.952.000)	(11.220.289)
Tổng thu nhập chịu thuế	53.602.071.851	55.353.914.389
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	<i>13.400.517.963</i>	<i>15.499.096.029</i>
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</i>		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>13.400.517.963</u>	<u>15.499.096.029</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.146.448.514	949.664.195
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	108.179.804	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.849.411.975	935.336.109
Thuế nhà thầu tạm giữ	474.398.194	-
Phải trả phải nộp khác	3.719.036.112	5.621.420.131
Cộng	<u>8.297.474.599</u>	<u>7.506.420.435</u>

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	397.321.051
Số trích lập trong năm	263.914.643
Số chi trong năm	(113.761.272)
Số cuối năm	<u>547.474.422</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Dự phòng nghiệp vụ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phí	182.270.341.549	131.167.920.161
Dự phòng bồi thường	107.685.527.549	74.513.005.145
Dự phòng dao động lớn	126.165.695.105	114.937.690.172
Cộng	416.121.564.203	320.618.615.478

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 (trang 38).

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức năm 2008 theo tỷ lệ 15%, số tiền là 35.784.246.575 đồng.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.563	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.563	
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.992.437	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.992.437	30.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ ngắn hạn cuối năm.

Mục đích trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí phát triển mạng lưới đại lý qua các Bưu điện tỉnh	1.138.892.888	-
Chi phí quản lý đại lý và dịch vụ sau bán hàng	9.154.240.956	6.362.214.469
Cộng	10.293.133.844	6.362.214.469

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	48.960.241.847	51.575.329.586
Chi phí vật liệu quản lý	5.202.238.340	4.656.362.053
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.367.565.890	4.041.365.184
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.995.589.678	4.112.456.182
Thuế, phí và lệ phí	1.675.752.609	1.251.796.960
Chi phí dự phòng	3.078.750.044	3.806.105.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.525.814.259	18.139.904.068
Chi phí bằng tiền khác	42.326.269.413	29.000.714.297
Cộng	132.132.222.080	116.584.033.918

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	46.123.706.890	47.751.318.893
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.897.576.123	3.133.891.154
Lãi tiền cho vay	8.684.058.164	14.965.708.367
Lãi kinh doanh chứng khoán	21.431.799.399	58.096.170
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.196.038.834	3.112.544.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	161.952.000	11.220.289
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	214.832.701	131.275.513
Cộng	81.709.964.111	69.164.054.386

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	252.123.962
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.563.013.636	1.521.435.689
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	6.966.833.976	1.649.239.831
Hoàn nhập (-)/ Trích lập (+) dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(1.576.686.187)	2.314.720.374
Trích lập dự phòng đầu tư góp vốn dài hạn	372.111.533	-
Chi phí ủy thác quản lý doanh mục đầu tư	312.048.998	247.554.791
Chi phí tiền lương hoạt động đầu tư	12.581.251.696	-
Chi phí tài chính khác	6.038.504	143.898.219
Cộng	20.224.612.156	6.128.972.866

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	381.722.727	341.388.743
Thu khác	22.777.765	329.852.480
Cộng	404.500.492	671.241.223

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	20.447.626	58.318.885
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		4.090.909
Chi phí khác	1.479.831	73.569.303
Cộng	21.927.457	135.979.097

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.559.544.722	42.726.458.687
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.559.544.722	42.726.458.687
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.998.908	24.123.288
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.452	1.771

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.000.000	10.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 9 tháng 11 năm 2009	(1.092)	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 21 tháng 04 năm 2008	-	13.623.288
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.998.908	24.123.288

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đại hội cổ đông thường niên Công ty được tổ chức ngày 28 tháng 4 năm 2009 đã phê chuẩn phương án tăng vốn điều lệ của Công ty lên 450 tỷ đồng. Trong năm 2010 Công ty đang tiến hành các thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương ban giám đốc	1.911.597.230	1.587.186.324
Thù lao Hội đồng quản trị	208.000.000	314.050.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm quốc gia Việt nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Bệnh viện Thành Tâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Công ty con

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</i>		
Chia lãi cổ tức	13.044.739.726	5.989.247.534
Doanh thu phí bảo hiểm gốc các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	127.249.090.861	94.625.807.522

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm quốc gia Việt nam

Nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm

Phí nhận tái bảo hiểm	23.809.703.375	17.887.642.716
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	4.958.358.341	3.700.311.072
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	11.216.254.479	12.983.782.137
Chi khác nhận tái bảo hiểm	447.604.211	204.262.982

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm	23.713.120.589	23.896.141.641
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	6.187.875.596	7.604.522.957
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	5.615.850.763	1.819.242.159

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm

Phí nhận tái bảo hiểm	1.030.371.070	1.157.627.258
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	279.508.478	317.014.867
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	112.039.375	2.355.601.399

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<u>Nhiệm vụ nhượng tái bảo hiểm</u>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.470.890.623	1.913.520.557
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	386.890.312	528.275.481
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.664.239.283	436.232.244

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm quốc gia Việt nam</i>	<i>8.763.559.836</i>	<i>2.447.873.599</i>
Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm	6.188.794.670	821.937.263
Phải thu khác về hoạt động nhận tái bảo hiểm		2.097.610
Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.302.806.294	635.544.380
Phải thu về hoàn phí nhượng tái bảo hiểm	271.958.872	1.599.009
Phải thu khác		26.295.337
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i>	<i>1.064.933.099</i>	<i>373.575.452</i>
Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm	263.960.333	126.252.678
Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm	772.537.849	247.322.774
Phải thu khác	28.434.917	
Cộng nợ phải thu	9.828.492.935	2.821.449.051
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam</i>	<i>12.863.031.119</i>	<i>4.707.789.912</i>
Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	882.785.922	257.371.940
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	11.952.763.446	4.446.417.972
Phải trả khác	27.481.751	4.000.000
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i>	<i>644.569.261</i>	<i>640.647.738</i>
Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	385.359.953	350.091.858
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	103.680.183	290.555.880
Phải trả khác	155.529.125	-
Cộng nợ phải trả	13.507.600.380	5.348.437.650

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Năm 2009 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến các vấn đề sau:

- Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái: Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.13, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 201”) thay cho chính sách kế toán được áp dụng trong các năm trước theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“VAS 10”). Thông tư 201 và VAS 10 có sự khác biệt trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Theo đó, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là (158.852.450) VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì việc ghi nhận vào chi phí tài chính như năm trước.
- Phân loại chi phí hoạt động tài chính: Để phản ánh đúng hơn tình hình hoạt động doanh nghiệp, năm 2009 Công ty đã hạch toán chi phí tiền lương tính trên doanh thu hoạt động đầu tư và chi phí tiền lương hiệu quả vào Chi phí hoạt động tài chính thay vì việc hạch toán vào Chi quản lý doanh nghiệp như năm trước, số tiền là 12.581.251.702 đồng (xem thuyết minh VI.4).

Các sai sót

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm nay được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính năm trước đã điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót theo kết quả Kiểm toán nhà nước đến số liệu so sánh được trình bày ở Phụ lục 02 (trang 39 – 45).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	65,39	68,96
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	34,61	31,04
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	51,57	45,40
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	48,43	54,60
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,94	2,20
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	6,76	7,73
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	5,01	5,98
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	13,04	15,55
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	9,98	11,41
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,72	6,61
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,37	4,85
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	10,51	14,97

5. Biên khả năng thanh toán

Xem Phụ lục số 03 (trang 46- 47).

Bùi Thị Thúy
Người lập biểu

Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

PHỤ LỤC 01:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm trước	105.000.000.000				14.517.639.731	7.709.185.959	18.991.990.226	146.218.815.916
Cổ đông góp vốn	195.000.000.000	114.375.000.000						309.375.000.000
Lợi nhuận trong năm trước							42.726.458.687	42.726.458.687
Phân phối lợi nhuận năm 2007							(18.693.563.045)	(18.693.563.045)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>							(3.275.836.275)	(3.275.836.275)
- <i>Chi cổ tức năm 2007</i>							(15.315.326.770)	(15.315.326.770)
- <i>Thù lao HĐQT</i>							(102.400.000)	(102.400.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2008						2.099.216.486	(3.413.266.486)	(1.314.050.000)
- <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>							(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- <i>Trích quỹ dự trữ bắt buộc</i>						2.099.216.486	(2.099.216.486)	
- <i>Thù lao Hội đồng quản trị</i>							(314.050.000)	(314.050.000)
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	114.375.000.000	-	-	14.517.639.731	9.808.402.445	39.611.619.382	478.312.661.558
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	114.375.000.000			14.517.639.731	9.808.402.445	39.611.619.382	478.312.661.558
Mua cổ phiếu quỹ			(201.068.212)					(201.068.212)
Lợi nhuận trong năm nay				(158.852.450)			43.559.544.722	43.559.544.722
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ								
Phân phối lợi nhuận năm 2008							(38.823.933.169)	(158.852.450)
- <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>					419.843.297		(419.843.297)	(38.404.089.872)
- <i>Trích quỹ khen thưởng khách hàng</i>					419.843.297		(419.843.297)	(419.843.297)
- <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>							(2.200.000.000)	(2.200.000.000)
- <i>Chi cổ tức năm 2008</i>							(35.784.246.575)	(35.784.246.575)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2009						2.235.698.644	(3.443.698.644)	(1.208.000.000)
- <i>Trích quỹ Dự trữ bắt buộc</i>						2.235.698.644	(2.235.698.644)	
- <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>							(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- <i>Thù lao HĐQT</i>							(208.000.000)	(208.000.000)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	114.375.000.000	(201.068.212)	(158.852.450)	14.937.483.028	12.044.101.089	40.903.532.291	481.900.195.746

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

PHỤ LỤC 02:**ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT THEO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

I. CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Số điều chỉnh lại	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Chênh lệch
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	607.698.365.749	611.171.298.565	(3.472.932.816)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	45.194.973.287	45.194.973.287	-
1. Tiền	111	45.194.973.287	45.194.973.287	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	424.996.989.048	433.496.989.048	(8.500.000.000)
1. Đầu tư ngắn hạn	121	427.311.709.422	435.811.709.422	(8.500.000.000)
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(2.314.720.374)	(2.314.720.374)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	130.985.461.909	125.906.576.504	5.078.885.405
1. Phải thu khách hàng	131	82.477.287.468	77.966.765.653	4.510.521.815
2. Trả trước cho người bán	132	12.822.172.769	12.822.172.769	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	48.209.911.942	48.119.770.120	90.141.822
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(12.523.910.270)	(13.002.132.038)	478.221.768
IV. Hàng tồn kho	140	818.463.395	805.491.016	12.972.379
1. Hàng tồn kho	141	818.463.395	805.491.016	12.972.379
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.702.478.110	5.767.268.710	(64.790.600)
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	508.003.549	508.003.549	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	1.023.422.259	1.023.422.259	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	280.621.254	280.621.254	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	3.890.431.048	3.955.221.648	(64.790.600)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước			Chênh lệch
		Số điều chỉnh lại			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	273.562.783.728	264.441.655.146		9.121.128.582
I. Các khoản phải thu dài hạn	210				
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-		-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-		-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-		-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-		-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-		-
II. Tài sản cố định	220	63.372.682.814	63.372.682.814		
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10.160.310.542	10.160.310.542		-
Nguyên giá	222	31.892.585.810	31.892.585.810		-
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(21.732.275.268)	(21.732.275.268)		-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-		-
Nguyên giá	225	-	-		-
Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-		-
3. Tài sản cố định vô hình	227	50.932.204.000	50.932.204.000		-
Nguyên giá	228	51.198.204.000	51.198.204.000		-
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(266.000.000)	(266.000.000)		-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	2.280.168.272	2.280.168.272		-
III. Bất động sản đầu tư	240				
Nguyên giá	241	-	-		-
Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-		-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	193.769.666.940	185.269.666.940		8.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.000.000.000	4.000.000.000		-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	35.596.700.000	35.596.700.000		-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	154.172.966.940	145.672.966.940		8.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-		-
V. Tài sản dài hạn khác	260	16.420.433.974	15.799.305.392		621.128.582
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.865.104.595	5.243.976.013		621.128.582
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-		-
3. Tài sản dài hạn khác	268	10.555.329.379	10.555.329.379		-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	881.261.149.477	875.612.953.711		5.648.195.766

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước			Chênh lệch
		Số điều chỉnh lại			
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	400.072.983.633	395.166.916.842		4.906.066.791
I. Nợ ngắn hạn	310	78.661.737.968	75.431.721.121		3.230.016.847
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-			-
2. Phải trả người bán	312	36.119.563.476	36.198.224.899		(78.661.423)
3. Người mua trả tiền trước	313	1.542.604.386	1.542.604.386		-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19.209.550.537	18.816.926.134		392.624.403
5. Phải trả người lao động	315	14.249.755.349	13.884.619.774		365.135.575
6. Chi phí phải trả	316	33.843.785	33.843.785		-
7. Phải trả nội bộ	317	-			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	7.506.420.435	4.955.502.143		2.550.918.292
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-			-
II. Nợ dài hạn	330	792.630.187	792.630.187		-
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-			-
3. Phải trả dài hạn khác	333	395.309.136	395.309.136		-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-			-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-			-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	397.321.051	397.321.051		-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-			-
III. Dự phòng nghiệp vụ	340	320.618.615.478	318.942.565.534		1.676.049.944
1. Dự phòng phí	341	131.167.920.161	130.237.046.868		930.873.293
2. Dự phòng toán học	342	-			-
3. Dự phòng bồi thường	343	74.513.005.145	73.824.125.495		688.879.650
4. Dự phòng dao động lớn	344	114.937.690.172	114.881.393.171		56.297.001
5. Dự phòng chia lãi	345	-			-
6. Dự phòng đảm bảo cân đối	346	-			-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		
		Số điều chỉnh lại		Chênh lệch
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	481.188.165.844	480.446.036.869	742.128.975
I. Vốn chủ sở hữu	410	478.312.661.558	477.570.532.583	742.128.975
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	300.000.000.000	300.000.000.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	114.375.000.000	114.375.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	14.517.639.731	14.517.639.731	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419	9.808.402.445	9.808.402.445	-
10. Quỹ dự tự nguyện	420	-	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	39.611.619.382	38.869.490.407	742.128.975
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	2.875.504.286	2.875.504.286	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	2.875.504.286	2.875.504.286	-
2. Nguồn kinh phí	432	-	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	881.261.149.477	875.612.953.711	5.648.195.766

II. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số điều chỉnh lại	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Chênh lệch
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	139.066.275.404	101.460.661.277	37.605.614.127	
6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm				-
7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm				-
8. Ngoại tệ các loại:				-
Dollar Mỹ (USD)	94.988,80	94.988,80		-
Euro (EUR)	3.339,23	3.339,23		-
Bảng Anh (£)	19.055,11	19.055,11		-
9. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				-
10. Thu đòi người thứ 3	767.475.427			767.475.427

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

III. CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước			Chênh lệch
		Số điều chỉnh lại			
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01	443.664.486.058	442.412.606.135	1.251.879.923	
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02	36.903.215.542	36.278.528.766	624.686.776	
3. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	03	206.759.969.177	206.759.969.177	-	
Phí nhượng tái bảo hiểm	04	196.918.738.978	196.918.738.978	-	
Giảm phí bảo hiểm	05	-	-	-	
Hoàn phí bảo hiểm	06	9.841.230.199	9.841.230.199	-	
Các khoản giảm trừ khác	07	-	-	-	
4. Tăng (giảm) dự phòng phí, dự phòng toán học	08	16.724.507.979	15.793.634.686	930.873.293	
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09	34.818.923.585		34.818.923.585	
5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13)	10	12.651.515.275	47.470.438.860	(34.818.923.585)	
Thu nhận tái bảo hiểm	11	216.000	216.000	-	
Thu nhượng tái bảo hiểm	12	-	34.818.923.585	(34.818.923.585)	
Thu khác (Giám định, đại lý...)	13	12.651.299.275	12.651.299.275	-	
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10)	14	304.553.663.304	303.607.969.898	945.693.406	
7. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15	148.552.152.155	148.789.414.396	(237.262.241)	
8. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm	16	18.220.849.735	18.204.993.780	15.855.955	
9. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17	19.782.921.017	19.782.921.017	-	
Thu bồi thường nhượng Tái bảo hiểm	18	12.535.053.936	12.535.053.936	-	
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19	7.247.867.081	7.247.867.081	-	
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20	-	-	-	
10. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21	146.990.080.873	147.211.487.159	(221.406.286)	
11. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	-	-	-	
12. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23	(11.095.372.099)	(11.784.251.749)	688.879.650	
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	8.214.232.442	8.157.935.441	56.297.001	

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước			Chênh lệch
		Số điều chỉnh lại			
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25 = 26 + 34 + 39 + 40)	25	42.843.262.631	42.703.871.778	139.390.853	
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 = 27 + 28 + 29 + 30 + 31 + 32 + 33)	26	27.754.267.235	27.787.367.235	(33.100.000)	
+ Chi hoa hồng	27	19.972.156.134	19.972.156.134	-	
+ Chi giám định tổn thất	28	2.624.648.342	2.624.648.342	-	
+ Chi đòi người thứ 3	29	-	-	-	
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30	4.060.909	4.060.909	-	
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31	45.591.020	45.591.020	-	
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32	4.838.361.596	4.871.461.596	(33.100.000)	
+ Chi khác	33	269.449.234	269.449.234	-	
Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38)	34	8.665.844.043	8.493.353.190	172.490.853	
+ Chi hoa hồng	35	8.399.161.059	8.226.670.206	172.490.853	
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36	-	-	-	
+ Chi khác	38	266.682.984	266.682.984	-	
Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39	6.423.151.353	6.423.151.353	-	
Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40	-	-	-	
15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 - 22 + 23 + 24 + 25)	41	186.952.203.847	186.289.042.629	663.161.218	
16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 14 - 41)	42	117.601.459.457	117.318.927.269	282.532.188	
17. Chi phí bán hàng	43	6.362.214.469	6.375.942.169	(13.727.700)	
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	116.584.033.918	117.313.272.867	(729.238.949)	
19. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45 = 42 - 43 - 44)	45	(5.344.788.930)	(6.370.287.767)	1.025.498.837	
20. Doanh thu hoạt động tài chính	46	69.164.054.386	69.164.054.386	-	
21. Chi phí hoạt động tài chính	47	6.128.972.866	6.128.972.866	-	
22. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47)	51	63.035.081.520	63.035.081.520	-	
23. Thu nhập hoạt động khác	52	671.241.223	603.909.947	67.331.276	
24. Chi phí hoạt động khác	53	135.979.097	73.883.671	62.095.426	
25. Lợi nhuận hoạt động khác (54 = 52 - 53)	54	535.262.126	530.026.276	5.235.850	

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 02: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước			Chênh lệch
		Số điều chỉnh lại			
26. Tổng lợi nhuận kế toán (55 = 45 + 51 + 54)	55	58.225.554.716	57.194.820.029		1.030.734.687
30. Dự phòng đảm bảo cân đối	58	-			
30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60.1	15.499.096.029	15.210.490.317		288.605.712
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.2				
32. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 55 - 58 - 60.1 - 60.2)	61	<u>42.726.458.687</u>	<u>41.984.329.712</u>		<u>742.128.975</u>
33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62	<u>1.771</u>	<u>1.740</u>		<u>(31)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

PHỤ LỤC 03:**BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Đơn vị: VND

	Năm 2009	Năm 2008
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	482.263.213.649	481.188.165.844
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	995.708.348.526	881.261.149.477
2. Nợ phải trả	513.445.134.877	400.072.983.633
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	237.067.129.919	219.502.496.452
1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	102.923.893.250	106.036.384.387
1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	10.015.720.905	12.005.000.000
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	363.017.903	2.875.504.286
1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	6.757.445.498	13.002.132.038
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính)	50.932.204.000	50.932.204.000
1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	8.566.943.645	9.832.022.266
1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	1.052.166.309	1.068.426.797
1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	25.236.394.990	16.321.095.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 03: Biên khả năng thanh toán (tiếp theo)

	Năm 2009	Năm 2009
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	134.143.236.668	113.466.112.065
2.1 Các Tài sản đầu tư	28.654.211.642	13.122.340.000
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;		
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	600.000.000	-
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	3.873.793.949	-
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	963.300.000	-
đ) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	-	-
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	-	-
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	23.217.117.693	13.122.340.000
2.2 Các khoản phải thu	3.650.256.621	1.276.381.864
a) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	2.422.729.260	414.352.975
b) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	1.227.527.361	862.028.889
2.3 Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	443.079.804	51.153.962
2.4 Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	101.395.688.602	99.016.236.239
III. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	245.196.083.730	261.685.669.392
IV. Biên khả năng thanh toán tối thiểu		
25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	93.566.707.774	68.451.933.106
So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)		
Chênh lệch theo số tuyệt đối	151.629.375.957	193.233.736.286
Chênh lệch theo tỷ lệ %	262%	382%